**PHỤ LỤC IV**

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG
*(Kèm theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**I. XÁC ĐỊNH ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG ĐỂ CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG CÔNG BỐ**

**1. Khảo sát, xác định đơn giá nhân công xây dựng**

1.1. Nguồn thông tin để thực hiện khảo sát

a) Khảo sát trực tiếp tại công trình trong khu vực công bố và doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh/thành phố.

b) Khảo sát chuyên gia có kinh nghiệm, chủ đầu tư, nhà thầu và cá nhân, tổ chức trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh, thành phố.

c) Thống kê số liệu từ hồ sơ quyết toán hoàn thành, số liệu kết quả trúng thầu của công trình xây dựng tại khu vực công bố có điều chỉnh theo chỉ số giá nhân công xây dựng về thời điểm xác định.

d) Kết hợp các kết quả khảo sát, thống kê nêu trên.

1.2. Nguyên tắc khảo sát để xác định, công bố đơn giá nhân công xây dựng

a) Đơn giá nhân công xây dựng được khảo sát, xác định và công bố phù hợp với nhóm nhân công xây dựng quy định tại Bảng 4.1 Phụ lục này và quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 8 Thông tư hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Bộ Xây dựng.

b) Đơn giá nhân công xây dựng được khảo sát, xác định và công bố đã bao gồm các khoản phụ cấp và bảo hiểm người lao động phải nộp theo quy định và không bao gồm các khoản bảo hiểm mà người sử dụng lao động phải nộp theo quy định. Đơn giá nhân công xây dựng được xác định cho thời gian làm việc là 8h/ngày và 26 ngày/tháng theo quy định.

c) Việc xác định, công bố đơn giá nhân công xây dựng phải phù hợp với mặt bằng giá nhân công xây dựng trên thị trường lao động của từng địa phương nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định, tham khảo khung đơn giá nhân công xây dựng bình quân do Bộ xây dựng công bố tại Bảng 4.2 Phụ lục này.

d) Việc lựa chọn khu vực khảo sát, thu thập số liệu để xác định và công bố đơn giá nhân công xây dựng phải đảm bảo đủ số lượng thông tin yêu cầu tối thiểu, đảm bảo đủ độ tin cậy và phản ánh được mặt bằng nhân công xây dựng tại khu vực cần công bố. Khu vực được lựa chọn để khảo sát và công bố đơn giá nhân công xây dựng là khu vực có sự tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội, phù hợp quy định phân vùng của Chính phủ.

đ) Các công trình, dự án được lựa chọn khảo sát, thu thập thông tin để xác định và công bố đơn giá nhân công xây dựng đảm bảo tính phổ biến về loại công trình, điều kiện thi công, tiến độ thi công, công nghệ thi công. Các đối tượng được lựa chọn để phỏng vấn thu thập thông tin (các chuyên gia, chủ đầu tư, nhà thầu…) phải có kinh nghiệm, sự am hiểu về lĩnh vực xây dựng và thị trường nhân công xây dựng Các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn được lựa chọn để khảo sát, thu thập thông tin phải là các doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh, năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng.

e) Quá trình khảo sát, thu thập thông tin theo trình tự, phương pháp và các bảng, biểu mẫu được hướng dẫn tại Phụ lục này. Số liệu thu thập được đảm bảo tính trung thực, khách quan, có sự xác nhận của các bên có liên quan.

g) Số liệu khảo sát, thống kê sử dụng để xác định đơn giá nhân công xây dựng phải được xử lý, sàng lọc, rà soát trước khi tính toán xác định đơn giá nhân công xây dựng.

1.3. Tổ chức khảo sát

Bước 1: Cơ quan chủ trì (Sở Xây dựng) quyết định thành lập tổ khảo sát (đại diện Sở Xây dựng làm tổ trưởng) và phê duyệt kế hoạch khảo sát gồm các nội dung sau:

- Thời gian bắt đầu và kết thúc công việc khảo sát;

- Các khu vực dự kiến công bố đơn giá nhân công xây dựng;

- Lưới khảo sát;

- Danh mục các công trình đang thi công xây dựng, đã thi công xây dựng hoàn thành trong 3 năm trên địa bàn được lựa chọn khảo sát, các đối tượng cần khảo sát;

- Danh mục các công việc cần khảo sát, thu thập số liệu và kinh phí phục vụ khảo sát;

- Tên tổ chức tư vấn chuyên môn thực hiện công tác khảo sát (nếu có).

Bước 2: Thông báo tới các đối tượng thực sẽ hiện khảo sát (các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, các đơn vị tư vấn, nhà thầu, doanh nghiệp xây dựng và các chuyên gia) trên địa bàn về kế hoạch thực hiện khảo sát để phối hợp khảo sát.

Bước 3: Tiến hành khảo sát, thu thập đơn giá nhân công xây dựng theo danh mục nhóm công tác xây dựng.

1.4. Khảo sát đơn giá nhân công xây dựng

a) Khảo sát trực tiếp tại công trình:

- Đối với các công tác xây dựng thuộc Nhóm: I, III, IV và các nhóm nhân công khác tại Bảng 4.1 phụ lục này: Cần thực hiện khảo sát tối thiểu đơn giá nhân công của 03 công tác xây dựng trong mỗi nhóm theo tổ đội thực hiện công tác đó; mỗi công tác xây dựng cần thực hiện khảo sát tối thiểu tại 03 công trình xây dựng.

- Đối với các công tác xây dựng thuộc Nhóm II: cần thực hiện khảo sát tối thiểu tại 03 loại hình công trình xây dựng. Số lượng công tác xây dựng cần thực hiện khảo sát tối thiểu là 12 công tác xây dựng. Mỗi công tác xây dựng được khảo sát tối thiểu tại 03 công trình xây dựng.

b) Khảo sát, thu thập số liệu tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh/thành phố: Cần thực hiện khảo sát ít nhất tại 05 doanh nghiệp xây dựng có kinh nghiệm thi công xây dựng đại diện đối với 05 loại hình công trình xây dựng. Số liệu thu thập là hợp đồng lao động và/hoặc bảng lương doanh nghiệp chi trả cho công nhân xây dựng tại các công trình trong vòng 02 năm gần thời điểm khảo sát nhất.

c) Khi thực hiện khảo sát trực tiếp tại công trình và các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn, trường hợp không đủ số lượng cần khảo sát theo quy định tại điểm a, b khoản này thì có thể kết hợp với số liệu khảo sát từ nguồn thông tin nêu tại điểm b, c khoản 1.1 nêu trên để đảm bảo số mẫu khảo sát theo quy định.

d) Đơn giá nhân công xây dựng của mỗi công tác xây dựng thứ i trong công thức (4.1) được điều tra bằng mẫu phiếu khảo sát tại các Bảng 4.4, Bảng 4.5, Bảng 4.6 và tổng hợp số liệu tính toán theo Bảng 4.7 của Phụ lục này.

1.5. Xác định đơn giá nhân công xây dựng

Đơn giá nhân công xây dựng của nhóm công tác xây dựng được tính bằng trung bình số học đơn giá nhân công thu thập, tổng hợp từ các mẫu phiếu khảo sát, xác định theo công thức sau:

|  |  |
| --- | --- |
| https://files.thuvienphapluat.vn/doc2htm/00487048_files/image049.jpg | (4.1) |

Trong đó:

GNCXD: đơn giá nhân công xây dựng của nhóm công tác xây dựng (đồng/ngày công);

: đơn giá nhân công thực hiện công tác xây dựng thứ i trong nhóm công tác xây dựng. Đơn giá nhân công thực hiện công tác xây dựng thứ i được xác định bằng khảo sát theo hướng dẫn tại Phụ lục này (đồng/ngày công);

m: số lượng đơn giá nhân công xây dựng được thu thập, tổng hợp trong nhóm.

1.6. Hồ sơ xác định đơn giá nhân công xây dựng

Hồ sơ xác định đơn giá nhân công xây dựng do địa phương công bố gồm:

- Quyết định thành lập tổ khảo sát;

- Kế hoạch khảo sát;

- Thuyết minh khảo sát trong đó nêu rõ: Đặc điểm kinh tế - xã hội của các khu vực công bố đơn giá nhân công xây dựng của tỉnh; số lượng, loại công trình đang thực hiện hoặc đã thực hiện trước thời điểm khảo sát của từng khu vực; các phiếu khảo sát lập theo mẫu; các biểu tổng hợp đơn giá nhân công xây dựng đủ pháp lý theo quy định tại Phụ lục này;

- File phần mềm tính toán đơn giá nhân công xây dựng.

1.7. Công bố đơn giá nhân công xây dựng

Mẫu công bố đơn giá nhân công xây dựng quy định tại Phụ lục 8 Thông tư hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Bộ Xây dựng.

**2. Quy đổi đơn giá nhân công xây dựng theo cấp bậc trong hệ thống định mức dự toán xây dựng**

2.1. Quy đổi đơn giá nhân công xây dựng theo cấp bậc trong hệ thống định mức dự toán xây dựng theo công thức sau:

|  |  |
| --- | --- |
| https://files.thuvienphapluat.vn/doc2htm/00487048_files/image051.jpg | (4.2) |

Trong đó:

: đơn giá nhân công xây dựng thực hiện một công tác xây dựng thứ i có hao phí định mức công bố trong hệ thống định mức dự toán xây dựng công trình (đồng/công);

: đơn giá nhân công xây dựng của một nhân công trong nhóm công tác xây dựng thứ j được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố;

: hệ số cấp bậc bình quân của nhóm nhân công xây dựng thứ j, quy định tại Bảng 4.3 của Phụ lục này;

: hệ số cấp bậc của nhân công thực hiện công tác i có cấp bậc trong hệ thống định mức dự toán xây dựng công trình.

2.2. Ví dụ tính toán:

Xác định đơn giá nhân công xây dựng của công tác đào xúc đất ra bãi thải, bãi tập kết mà hiệu AB.11200 cấp bậc thợ 3/7 trong định mức dự toán xây dựng công trình, biết đơn giá nhân công xây dựng của nhóm 1 theo công bố của tỉnh là 250.000đ/ngày công, cấp bậc bình quân của nhóm 1 là 3,5/7 (Bảng 4.3 Phụ lục này):

ĐVT: đồng/ngày công

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cấp bậc nhân công xây dựng** | https://files.thuvienphapluat.vn/doc2htm/00487048_files/image055.jpg | **ĐGNCXD bình** **quân nhóm I** | **ĐGNCXD bậc 3/7 của công tác đào đất** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) = (4)\*1,39/1,52 |
| 1 | 1/7 | 1 |  |  |
| 2 | 2/7 | 1,18 |  |  |
| 3 | 3/7 | 1,39 |  | 228.600 |
| 4 | 3,5/7 | 1,52 | 250.000 |  |
| 5 | 4/7 | 1,65 |  |  |
| 6 | 5/7 | 1,94 |  |  |
| 7 | 6/7 | 2,3 |  |  |
| 8 | 7/7 | 2,71 |  |  |

**3. Chuyển đổi đơn giá nhân công xây dựng**

Việc chuyển đổi đơn giá nhân công xây dựng của địa phương đã công bố trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư này sang đơn giá nhân công xác định theo nhóm nhân công xây dựng quy định tại Phụ lục này như sau:

1. Đơn giá nhân công của nhóm I: giữ nguyên đơn giá nhân công nhóm 1 đã công bố.

2. Đơn giá nhân công của nhóm II: xác định bằng bình quân số học của đơn giá nhân công các nhóm 2, 3, 4, 5 và 11 đã công bố.

3. Đơn giá nhân công của nhóm III: xác định bằng đơn giá nhân công nhóm 6 đã công bố.

4. Đơn giá nhân công của nhóm IV: xác định bằng bình quân số học đơn giá nhân công các nhóm 7, 8, 9 và 10 đã công bố.

5. Đơn giá nhân công của các nhóm nhân công thuộc nhóm nhân công khác (gồm: vận hành tàu, thuyền, thợ lặn, kỹ sư, nghệ nhân): xác định bằng đơn giá nhân công tương ứng đã công bố.

**II. XÁC ĐỊNH ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG CỦA CÔNG TRÌNH**

**1. Nguồn thông tin để thực hiện khảo sát**

a) Khảo sát trực tiếp người lao động thực hiện các công tác xây dựng phù hợp với các công tác cần xác định đơn giá nhân công xây dựng của công trình, dự án.

b) Khảo sát các doanh nghiệp thi công xây dựng công trình, doanh nghiệp có sử dụng lao động (gồm thợ chính và thợ phụ) thực hiện các công tác xây dựng tương tự với các công tác xây dựng của công trình, dự án.

c) Khảo sát chuyên gia có kinh nghiệm, chủ đầu tư, nhà thầu và cá nhân, tổ chức trong lĩnh vực xây dựng cần khảo sát.

d) Thống kê số liệu từ hồ sơ quyết toán hoàn thành, số liệu kết quả trúng thầu của công trình xây dựng tương tự (nếu có), có điều chỉnh theo chỉ số giá nhân công xây dựng về thời điểm xác định và địa điểm xây dựng.

đ) Kết hợp các nguồn thông tại các điểm a, b, c, d nêu trên.

**2. Nguyên tắc khảo sát để xác định đơn giá nhân công xây dựng**

a) Đơn giá nhân công xây dựng được khảo sát phải phù hợp với đơn giá nhân công xây dựng trên thị trường xây dựng (đã bao gồm các khoản phụ cấp và bảo hiểm người lao động phải nộp theo quy định và không bao gồm các khoản bảo hiểm mà người sử dụng lao động phải nộp theo quy định). Đơn giá nhân công xây dựng được xác định cho thời gian làm việc là 8h/ngày và 26 ngày/tháng.

b) Thời điểm điều tra khảo sát đơn giá nhân công xây dựng phải phù hợp với thời gian thực hiện dự án.

c) Điều tra, khảo sát thông qua người sử dụng lao động và người lao động làm các công việc xây dựng bằng cách phỏng vấn trực tiếp hoặc gửi phiếu điều tra gián tiếp; điều tra, khảo sát thu thập các hồ sơ, tài liệu liên quan đến bảng lương của người sử dụng lao động trả cho người lao động để làm cơ sở tính toán xác định đơn giá nhân công xây dựng công trình (các bảng lương có xác nhận của người sử dụng lao động hoặc chữ ký của người lao động).

**3. Khảo sát đơn giá nhân công xây dựng.**

a) Trường hợp đơn giá nhân công xây dựng công bố của địa phương không phù hợp với đặc thù của một số công tác xây dựng của công trình thì thực hiện khảo sát xác định đơn giá nhân công xây dựng công trình cho từng công tác xây dựng. Mỗi công tác xây dựng cần thực hiện khảo sát với yêu cầu số lượng nguồn thông tin tối thiểu đối với 06 người lao động (nêu tại điểm a khoản 1 Mục II) hoặc 03 doanh nghiệp (nêu tại điểm b khoản 1 Mục II) hoặc 06 cá nhân, tổ chức (nêu tại điểm c khoản 1 Mục II) có kinh nghiệp đối với việc thực hiện các công tác xây dựng có điều kiện, yêu cầu thi công tương ứng với điều kiện, yêu cầu thi công của công trình.

b) Trường hợp đơn giá nhân công xây dựng công bố của địa phương không phù hợp với đặc thù của công trình, dự án (áp dụng cho tất cả các công tác xây dựng của công trình, dự án) thì thực hiện khảo sát xác định đơn giá nhân công công trình để áp dụng cho tất cả các công tác xây dựng của công trình, dự án. Việc khảo sát đơn giá nhân công công trình thực hiện đối với từng nhóm nhân công như quy định tại khoản 1.4 Mục I Phụ lục này và với yêu cầu số lượng nguồn thông tin tối thiểu như quy định tại điểm a nêu trên.

**4. Các quy định khác**

a) Trường hợp trên khu vực, địa phương cần khảo sát thiếu đối tượng khảo sát thì có thể lựa chọn nguồn thông tin khảo sát (nêu tại điểm d khoản 1), các đối tượng khảo sát phù hợp với các đặc điểm của dự án cần khảo sát đơn giá nhân công ở các khu vực, địa phương lân cận.

b) Mẫu các phiếu điều tra khảo sát được quy định tại các Bảng 4.8, Bảng 4.9 Phụ lục này.

**5. Xác định đơn giá nhân công xây dựng:**

a) Số liệu điều tra khảo sát đơn giá nhân công xây dựng phải được rà soát, xử lý.

b) Phương pháp xác định nhân công xây dựng như quy định tại khoản 5 Mục I Phần A Phụ lục này

c) Việc quy đổi đơn giá nhân công xây dựng theo cấp bậc trong hệ thống định mức dự toán xây dựng theo hướng dẫn khoản 3 Mục I Phụ lục này.

**6. Hồ sơ xác định đơn giá nhân công xây dựng**

Hồ sơ xác định đơn giá nhân công xây dựng (gửi Sở Xây dựng tham gia ý kiến) theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Bộ Xây dựng gồm:

- Công văn đề nghị tham gia ý kiến về đơn giá nhân công xây dựng cho công trình, dự án.

- Hồ sơ xác định đơn giá nhân công xây dựng gửi kèm gồm:

+ Quyết định thành lập tổ khảo sát của đơn vị tổ chức khảo sát;

+ Kế hoạch khảo sát;

+ Thuyết minh, các bước thực hiện khảo, các phiếu khảo sát lập theo mẫu… theo quy định tại Phụ lục này;

+ File phần mềm tính toán đơn giá nhân công xây dựng.

**BẢNG 4.1**

**DANH MỤC NHÓM NHÂN CÔNG XÂY DỰNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NHÓM NHÂN CÔNG** | **CÔNG TÁC XÂY DỰNG** |
| **1** | **Nhóm nhân công xây** **dựng** |
| 1.1 | Nhóm I | - Công tác phát cây, phá dỡ công trình, tháo dỡ kết cấu công trình, bộ phận máy móc, thiết bị công trình;- Công tác trồng cỏ các loại;- Công tác bốc xếp, vận chuyển vật tư, vật liệu, phụ kiện, cấu kiện xây dựng, phế thải xây dựng các loại;- Công tác đào, đắp, phá, bốc xúc, san, ủi, bơm, nạo vét, xói hút: bùn, đất, cát, đá, sỏi các loại, phế thải;- Công tác đóng gói vật liệu rời. |
| 1.2 | Nhóm II | - Công tác xây dựng không thuộc nhóm I, nhóm III, nhóm IV. |
| 1.3 | Nhóm III | - Công tác lắp đặt, sửa chữa máy và thiết bị công trình xây dựng, công nghệ xây dựng. |
| 1.4 | Nhóm IV | - Công tác vận hành máy và thiết bị thi công xây dựng, lái xe các loại. |
| **2** | **Nhóm nhân công khác** |  |
| 2.1 | Vận hành tàu, thuyền | - Công tác vận hành tàu, thuyền: Thuyền trưởng, thuyền phó, Thủy thủ, thợ máy, thợ điện, máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II. |
| 2.2 | Thợ lặn | - Công tác lặn để thực hiện một số công việc dưới nước trong thi công xây dựng. |
| 2.3 | Kỹ sư | - Trực tiếp thực hiện các công việc khảo sát, thí nghiệm. |
| 2.4 | Nghệ nhân | - Công tác chế tác đồ gỗ mỹ nghệ; chế tác đồ đá mỹ nghệ; chế tác tượng, biểu tượng. |

***Ghi chú:***

*-*Đối với các công tác xây dựng thuộc một số các công trình chuyên ngành, đặc thù thì thực hiện theo hướng dẫn, quy định của ngành.

- Đối với các nhóm: Thuyền trưởng, thuyền phó; Thủy thủ, thợ máy; Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu sông; Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu biển thuộc nhóm Vận hành tàu, thuyền (Bảng 4.1) được xem như là các nhóm nhân công cần thực hiện khảo sát, xác định (GNCXD) tại công thức (4.1) Phụ lục này.

**BẢNG 4.2**

**KHUNG ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG BÌNH QUÂN**

ĐVT: đồng/ngày

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NHÓM NHÂN CÔNG XÂY DỰNG** | **VÙNG I** | **VÙNG II** | **VÙNG III** | **VÙNG IV** |
| **1** | **Nhóm nhân công xây dựng** |  |  |  |  |
|  | Nhóm I, II, III, IV | 213.000 ÷ 336.000 | 195.000 ÷ 312.000 | 180.000 ÷ 295.000 | 172.000 ÷ 284.000 |
| **2** | **Nhóm nhân công khác** |  |  |  |  |
| 2.1 | Vận hành tàu, thuyền | 348.000 ÷ 520.000 | 319.000 ÷ 477.000 | 296.000 ÷ 443.000 | 280.000 ÷ 422.000 |
| 2.2 | Thợ lặn | 620.000 ÷ 680.000 | 570.000 ÷ 628.000 | 534.000 ÷ 587.000 | 509.000 ÷ 562.000 |
| 2.3 | Kỹ sư | 245.000 ÷ 350.000 | 225.000 ÷ 325.000 | 207.000 ÷ 308.000 | 198.000 ÷ 296.000 |
| 2.4 | Nghệ nhân | 590.000 ÷ 620.000 | 540.000 ÷ 568.000 | 504.000 ÷ 527.000 | 479.000 ÷ 502.000 |

***Ghi chú:***

- Đơn giá nhân công xây dựng bình quân công bố tại bảng trên được công bố cho 04 vùng theo quy định của Chính phủ về lương tối thiểu vùng. Trong phạm vi địa giới hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân chia khu vực công bố đơn giá nhân công xây dựng đảm bảo nguyên tắc về phân khu vực công bố đơn giá nhân công xây dựng trong tỉnh quy định tại điểm d khoản 2 Mục I Phần A Phụ lục này.

- Đối với các khu vực vùng sâu, vùng xa (vùng dân cư thưa thớt, nằm sâu trong rừng núi hoặc vùng ngập nước, ở xa các trung tâm kinh tế, văn hóa, giao thông không thuận tiện, đi lại khó khăn, kinh tế thường lạc hậu, kém phát triển) và hải đảo thì khung đơn giá nhân công bình quân được điều chỉnh với hệ số không quá 1,2 so với khung đơn giá nhân công bình quân nêu trên.

**BẢNG 4.3**

**BẢNG HỆ SỐ CẤP BẬC ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhóm nhân công xây dựng** | **Cấp bậc** **bình quân** | https://files.thuvienphapluat.vn/doc2htm/00487048_files/image056.jpg |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **1** | **Nhóm công nhân xây dựng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Nhóm I, II, III: | 3,5/7 | 1 | 1,18 | 1,39 | 1,65 | 1,94 | 2,30 | 2,71 |  |
| 1.2 | Nhóm IV: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Nhóm vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng. | 3,5/7 | 1 | 1,18 | 1,39 | 1,65 | 1,94 | 2,30 | 2,71 |  |
|  | - Nhóm lái xe các loại | 2/4 | 1 | 1,18 | 1,40 | 1,65 |  |  |  |  |
| 1.3 | Vận hành tàu, thuyền |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Thuyền trưởng, thuyền phó | 1,5/2 | 1 | 1,05 |  |  |  |  |  |  |
|  | - Thủy thủ, thợ máy, thợ điện | 2/4 | 1 | 1,13 | 1,3 | 1,47 |  |  |  |  |
|  | - Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu sông | 1,5/2 | 1 | 1,06 |  |  |  |  |  |  |
|  | - Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu biển | 1,5/2 | 1 | 1,04 |  |  |  |  |  |  |
| 1.4 | Thợ lặn | 2/4 | 1 | 1,10 | 1,24 | 1,39 |  |  |  |  |
| **2** | **Nhóm nhân công khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp | 4/8 | 1 | 1,13 | 1,26 | 1,40 | 1,53 | 1,66 | 1,79 | 1,93 |
| 2.2 | Nghệ nhân | 1,5/2 | 1 | 1,08 |  |  |  |  |  |  |

**BẢNG 4.4**

|  |
| --- |
| **PHIẾU KHẢO SÁT TỔ ĐỘI, THU THẬP ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG TẠI CÔNG TRÌNH** |
| **Tên dự án:** |  | **Nhóm công tác xây dựng:** | 2 |
| **Tên công trình:** |  | **Số thứ tự phiếu khảo sát:** | CT.01 |
| **Loại công trình:** |  | **Khu vực công bố:** |  |
| **Tên chủ đầu tư:** |  | **Vùng (theo phân vùng CP):** |  |
| **Tên nhà thầu xây dựng:** |  | **Nguồn vốn dự án:** |  |
| **Địa điểm XDCT:** |  |  |  |
| **Thời gian khảo sát:** |  |  |  |
| **Đơn vị khảo sát:** |  |  |  |
| **Tổ thợ:** | Tổ gia công, lắp dựng cốt thép |  |  |
| **STT** | **Họ và tên** | **Loại thợ** | **Đơn giá nhân công xây dựng thực nhận (đ/ngc)** | **Ghi chú** |
| [1] | [2] | (3) | (4) | (5) |
| 1 |  | Chính | Ví dụ: 350.000 |  |
| 2 |  | Phụ | Ví dụ: 300.000 |  |
| .... |  |  |  |  |
| n |  |  |  |  |
|  | Đơn giá nhân công xây dựng bình quân (đ/ngày công) | https://files.thuvienphapluat.vn/doc2htm/00487048_files/image057.jpg |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đơn vị khảo sát** | **Đại diện nhà thầu** | **Đại diện Sở Xây dựng** |

***Ghi chú:***

- Thợ chính là thợ có kỹ thuật tham gia trực tiếp vào quá trình thực hiện các công việc để tạo ra sản phẩm của công trình.

- Thợ phụ là công nhân lao động phổ thông, giúp cho thợ chính thực hiện các công việc của công trình.

- Đơn giá nhân công xây dựng bình quân của cả tổ đội là đơn giá tương đương với cấp bậc bình quân công bố tại bảng 4.3 Phụ lục này và được tính bằng trung bình số học đơn giá nhân công của thợ chính và thợ phụ trong tổ.

**BẢNG 4.5**

|  |
| --- |
| **PHIẾU THỐNG KÊ ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG TỪ KẾT QUẢ TRÚNG THẦU/SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH** |
| **Tên dự án:** |  | **Nhóm công tác xây dựng:** |  |
| **Tên công trình:** |  | **Số thứ tự phiếu khảo sát:** | QT.01 |
| **Loại công trình:** |  | **Khu vực công bố:** |  |
| **Tên chủ đầu tư:** |  | **Vùng (phân vùng Chính phủ):** |  |
| **Tên nhà thầu xây dựng:** |  | **Nguồn vốn dự án:** |  |
| **Địa điểm xây dựng công trình:** |  |  |  |
| **Thời gian khảo sát:** |  |  |  |
| **Đơn vị khảo sát:** |  |  |  |
| **STT** | **Tên công tác xây dựng** | **ĐVT** | **Chi phí nhân công** **để thực hiện 1 đơn vị công tác xây dựng (trong hồ sơ khảo sát)** | **Định mức hao phí** **lao động thực hiện công tác xây dựng** **tại cột (3) (trong hồ sơ khảo sát)** | **Đơn giá nhân công xây dựng được khảo sát** |  |
| (1) | (2) |  | (3) | (4) | (5)=(3)/(4) | (6) |
| 1 | SX, LD cốt thép BT tại chỗ, cốt thép lanh tô, giằng tường đk<10mm, chiều cao <=50m | T |  |  | Ví dụ: 350.000 |  |
| 2 | Sản xuất lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn lanh tô, giằng tường bằng ván ép phủ phim | m2 |  |  | Ví dụ: 300.000 |  |
|  | Đơn giá nhân công xây dựng bình quân nhóm (đ/ngc) |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đơn vị khảo sát** | **Chủ đầu tư** | **Đại diện Sở Xây dựng** |

**BẢNG 4.6**

|  |
| --- |
| **PHIẾU KHẢO SÁT THU THẬP THÔNG TIN TỪ CHUYÊN GIA** |
| **Tên chuyên gia:** |  | **Nhóm công tác xây dựng:** |  |
| **Đơn vị công tác:** |  | **Số thứ tự phiếu khảo sát:** | CG.01 |
| **Số năm kinh nghiệm:** |  | **Khu vực công bố:** |  |
| **Lĩnh vực công tác:** |  | **Vùng (theo phân vùng Chính phủ):** |  |
| **Địa điểm khảo sát ĐGNCXD:** |  |  |  |
| **Thời gian khảo sát:** |  |  |  |
| **Đơn vị khảo sát:** |  |  |  |
| **STT** | **Tên công tác** | **Số lượng loại thợ trong** **01 tổ đội** | **ĐGNCXD (đ/ngày công)** | **ĐGNCXD bình quân (đ/ngc)** | **Ghi chú** |
| **Thợ chính** | **Thợ phụ** | **Thợ chính** | **Thợ phụ** |
| [1] | [2] | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=[(3)\*(5)+(4)\*(6)]/[(3)+(4)] | (8) |
| 1 | Gia công, lắp dựng cốt thép |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Đổ bê tông |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |
|  | Đơn giá nhân công xây dựng bình quân (đ/ngc) | GiXD |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đơn vị khảo sát** | **Chuyên gia** | **Đại diện Sở Xây dựng** |

***Ghi chú:***

- Thợ chính là thợ có kỹ thuật tham gia trực tiếp vào quá trình thực hiện các công việc để tạo ra sản phẩm của công trình.

- Thợ phụ là công nhân lao động phổ thông, giúp cho thợ chính thực hiện các công việc của công trình.

- Đơn giá nhân công xây dựng bình quân của một công tác là đơn giá tương đương với cấp bậc bình quân công bố tại Bảng 4.3 Phụ lục này và được tính bằng bình quân gia quyền đơn giá nhân công của thợ chính và thợ phụ trong tổ đội.

**BẢNG 4.7**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG TỪNG KHU VỰC CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian tiến hành khảo sát:** |  | Từ ngày đến ngày | Mã khu vực: | I |
| **Khu vực 1 gồm các địa bàn:** |  |  | Tổng số phiếu khảo sát: |  |
| **STT** | **Nhóm công tác** **xây dựng** |  | **Đơn giá nhân công xây dựng bình quân nhóm (đồng/ ngày)** | **Đơn giá nhân công xây dựng bình quân (đ/ngc)** |
| **Số thứ tự mẫu phiếu khảo sát** | CT.01 | CT.02 | .... | CG.01 | CG.02 | .... | QT.01 | QT.02 | .... |  |
|  |  |  |  |
| [1] | [2] | [3] | [4] | [5] | [6] | [7] |  | [8] | [9] | … | [n] | GXDj= [(3)+(4)+(5)+...]/n |
| 1 | Nhóm 1:+ …+ …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nhóm 2:+ ….+ ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ KHẢO SÁT** | **ĐẠI DIỆN SỞ XÂY DỰNG** |

**BẢNG 4.8**

|  |
| --- |
| **PHIẾU KHẢO SÁT ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP/ TỔ CHỨC/… NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN** |
| **Tên dự án/công trình:** |  | **Nhóm công tác xây dựng:** | II |
| **Số thứ tự phiếu khảo sát:** | DNII.01 |
| **Loại công trình:** |  | **Khu vực khảo sát:** |  |
| **Tên chủ đầu tư:** |  |
| **Tên nhà thầu xây dựng:** |  | **Nguồn vốn dự án:** |  |
| **Địa điểm XDCT:** |  |
| **Thời gian khảo sát:** |  |
| **Đơn vị khảo sát:** |  |
| **STT** | **Họ và tên** | **Loại thợ** | **Đơn giá nhân công xây dựng thực nhận (đ/ngc)** | **Tổ thợ** |
| [1] | [2] | (3) | (4) | (5) |
| 1 | Nguyễn Văn A | Chính | 350.000 | Xây |
| 3 | Nguyễn Mỹ B | Phụ | 270.000 | Phụ xây |
|  |  |  |  |  |
| … | Đơn giá nhân công xây dựng bình quân (đ/ngc) | GiXD |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đơn vị khảo sát** | **Đại diện doanh nghiệp được khảo sát** | **Đại diện đơn vị Tổ chức khảo sát** |

***Ghi chú:***

- Thợ chính là thợ có kỹ thuật tham gia trực tiếp vào quá trình thực hiện các công việc để tạo ra sản phẩm của công trình.

- Thợ phụ là công nhân lao động phổ thông, giúp cho thợ chính thực hiện các công việc của công trình.

**BẢNG 4.9**

|  |
| --- |
| **PHIẾU KHẢO SÁT ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NGƯỜI LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP** |
| **Thời gian khảo sát** |  | **Nhóm công tác xây dựng** | IV |
| **Khu vực khảo sát** |  | **Số thứ tự phiếu khảo sát** | LĐIV.01 |
| **Đơn vị khảo sát** |  |
| **STT** | **Họ và tên** | **Loại thợ** | **Đơn giá nhân công xây dựng thực nhận (đ/ngc)** | **Công việc xây dựng đảm nhiệm** | **Ghi chú** |
| (1) | (2) | (3) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | Trần Công X | Chính | 390.000 | Lái máy ủi 110CV |  |
| 2 | Phạm Văn Y | Phụ | 300.000 | Phụ lái máy ủi 110CV |  |
|  | Đơn giá nhân công xây dựng bình quân (đ/ngc) | GiXD |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị khảo sát** | **Đại diện đơn vị Tổ chức khảo sát** |

***Ghi chú:***

- Thợ chính là thợ có kỹ thuật tham gia trực tiếp vào quá trình thực hiện các công việc để tạo ra sản phẩm của công trình.

- Thợ phụ là công nhân lao động phổ thông, giúp cho thợ chính thực hiện các công việc của công trình.